

Chương 7

LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

CuuDuongThanCong.com

CuuDuongThanCong.com

1. Phân công lao động quốc tế

1.1. Khái niệm *Là việc các n- ớc tập trung chuyên môn hoá sản xuất ra một hoặc một số sản phẩm nhất định sau đó sẽ tiến hành trao đổi với các n- ớc khác*

1.2. Các hình thức PCLĐQT:

- *Liên ngành*
- *Nội bộ ngành*

2. Liên kết kinh tế quốc tế

2.1. Khái niệm:

Là một quá trình khách quan xuất phát từ yêu cầu phát triển của lực l- ợng sản xuất và quốc tế hoá đời sống kinh tế d- ới tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ.

Đồng thời, nó còn là quá trình đ- ợc điều chỉnh có ý thức làm cho các nền kinh tế t- ơng thích với nhau, dần dần hình thành một chỉnh thể kinh tế thống nhất có cơ cấu tối - u và năng suất lao động cao hơn.

Bản chất

- **Là giai đoạn phát triển cao của phân công lao động quốc tế**

Các nội dung biểu hiện cụ thể của LKKTQT

- *- Có sự gia tăng mạnh mẽ của các luồng giao l- u quốc tế: vốn, hàng hoá, sức lao động, dịch vụ, công nghệ...*
- *- Sự hình thành và phát triển của các thị tr- ờng thống nhất trên qui mô khu vực và toàn cầu*
- *- Sự hình thành và phát triển của các định chế toàn cầu để quản lý và điều tiết các quan hệ quốc tế*

2.2. Các hình thức của Liên kết kinh tế quốc tế

- *Các Liên kết lớn (Macro Integration)*
- *Các liên kết nhỏ (Micro Integration)*

2.2.1 Liên kết lớn

- Nguyên nhân hình thành
- Vai trò
- Phân loại
- Phân tích tác động của khu vực mật dịch tự do

Nguyên nhân hình thành các liên kết lớn

- Cho phép các quốc gia thực hiện đồng thời hai mục tiêu
 - tham gia vào tiến trình tự do hoá
 - dựa vào đồng minh để bảo hộ
- Nhiều vấn đề của khu vực đòi hỏi có sự đồng thuận từ các chính phủ
- Tiến trình TCH làm cho quyền lợi của các n- ớc gắn chặt với nhau (-> cần một thể chế để giải quyết các vấn đề về hợp tác kinh tế)

Vai trò của các LK lớn

- Phát triển các quan hệ TMQT
- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi
- Lợi thế trong đối đầu phát huy tốt hơn
- Thay đổi cơ cấu kinh tế của các nước theo hướng thuận lợi
- Tăng cường sức cạnh tranh của các thành viên

Phân loại các liên kết lớn

1. Khu vực Mậu dịch tự do

2. Đồng minh thuế quan

3. Thị trường chung

4. Đồng minh kinh tế

5. Đồng minh tiền tệ

Khu vực mậu dịch tự do (FTA-Free Trade Area)

Là liên minh giữa hai hay nhiều n□ớc, thường trong cùng một khu vực địa lý , trong đó có thể chế qui định rằng:

- **sẽ xoá bỏ mọi trở ngại trong quan hệ th□ơng mại giữa các n□ớc thành viên,**
- **tuy nhiên trong quan hệ th□ơng mại giữa từng thành viên với bên ngoài, các n□ớc vẫn duy trì một chính sách kinh tế th□ơng mại độc lập.**
- **AFTA (1992); EFTA (1960); NAFTA (1992)**

Đồng minh thuế quan (Custom Union)

Là liên minh giữa hai hay nhiều n□ớc trong cùng một khu vực địa lý trong đó có thể chế qui định:

- sẽ xoá bỏ mọi hàng rào th□ơng mại giữa các n□ớc thành viên
- đồng thời các n□ớc trong đồng minh thuế quan sẽ thiết lập một chính sách thuế quan chung trong quan hệ th□ơng mại với các n□ớc ngoài khối.
- EEC, 1957

Thị trường chung (Common Market)

Là liên minh giữa hai hay nhiều n^oc trong cùng một khu vực địa lý trong đó có thể chế qui định:

- **những đặc điểm t^ong tự nh^o thị tr^ong chung,**
- **và các yếu tố sản xuất có thể tự do di chuyển giữa các n^oc thành viên**
- **EC (1993); Canada (1867)**

Đồng minh kinh tế (Economic Union)

Là liên minh giữa hai hay nhiều n^oc trong cùng một khu vực địa lý trong đó có thể chế qui định;

- **những đặc điểm t^ong tự nh^o thị tr^ong chung**
- **và thực hiện một chính sách kinh tế chung cho toàn khối, xoá bỏ chính sách kinh tế của riêng từng n^oc.**
- **EC (1999)**

Đồng minh tiền tệ (Monetary Union)

Là liên minh giữa hai hay nhiều n  c trong cùng một khu vực địa lý trong đó có thể chế qui định

- **những đặc điểm t  ng tự nh   đồng minh kinh tế, các n  c trong đồng minh tiền tệ**
- **Có một đồng tiền chung thay thế đồng tiền riêng của mỗi n  c**
- **Có một ngân hàng chung thay thế ngân hàng trung   ng của mỗi n  c**
- **Có một quỹ tiền tệ chung**
- **Có một chính sách l  u thông tiền tệ chung**
- **EU (1999)**

Các tác động của sự hình thành các khu vực Mậu dịch tự do

- tạo lập mậu dịch
- chuyển hướng mậu dịch.
- tự do hoá thương mại cấp thấp

Tạo lập mạng dịch

- tạo lập quan hệ mạng dịch mới giữa các nước, ngay cả giữa các nước trước đây chưa có quan hệ thương mại chặt chẽ
- mở rộng hơn nữa khả năng xuất nhập khẩu hàng hoá của các nước thành viên trong liên minh với các nước, các khu vực khác trên thế giới.
- tiềm năng kinh tế của các nước thành viên được khai thác một cách có hiệu quả.

Tạo lập mâu dịch

- Tạo lập mâu dịch làm tăng thêm phúc lợi:
 - thông qua việc thay thế sản phẩm của các ngành mà nước chủ nhà sản xuất với chi phí cao bằng nhập khẩu sản phẩm từ những quốc gia thành viên khác có chi phí sản xuất thấp hơn
- Lợi ích của người tiêu dùng được tăng lên nhờ:
 - Hàng hoá của các nước thành viên đưa vào nước chủ nhà luôn nhận được sự ưu đãi.
 - Do đó, giá cả hàng hoá hạ xuống, làm cho người dân ở nước chủ nhà có thể mua được khối lượng hàng hoá lớn hơn với mức chi phí thấp hơn.

Chuyển hướng mậu dịch

- Chuyển thương mại với các quốc gia ngoài liên minh sang với các quốc gia thành viên.
- Là trường hợp mà trước khi có liên minh, một nước trong khối tiến hành nhập khẩu những sản phẩm của các quốc gia ngoài liên minh với giá thấp hơn, nhưng nay lại được thay bằng việc nhập khẩu những sản phẩm cùng loại của các quốc gia trong liên minh mà giá cả lại cao hơn (do được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan,...)

B- ớc đầu thực hiện tự do hoá th- ơng mại

Tự do hoá th- ơng mại thúc đẩy tăng tr- ởng
bằng nhiều lý do:

- tăng xuất khẩu và
- cho phép mỗi quốc gia thành viên nâng cao hiệu quả xuất khẩu theo quy mô và do đó thúc đẩy sản xuất.
- gây ra áp lực cạnh tranh lớn đối với mỗi quốc gia trong liên minh trong các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, buộc các ngành này phải phấn đấu giảm giá hoặc giữ giá ở mức t- ương đối thấp.

B- ớc đầu thực hiện tự do hoá th- ơng mại

- Tăng c^ong xuất khẩu góp phần tạo lập cân bằng cán cân thanh toán theo h^ong tích cực, tăng dự trữ ngoại tệ cho quốc gia. Đây là điều kiện quan trọng để giảm lãi suất cho vay, khuyến khích ng^oời sản xuất kinh doanh vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tốc độ tăng tr^ong và phát triển kinh tế.
- Là cơ sở để thực hiện tự do hoá th- ơng mại cấp cao hơn

2.2.2 Liên kết nhỏ

- Khái niệm: Công ty quốc tế là các tổ chức sản xuất kinh doanh được thành lập dựa trên các hiệp định CP hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các tổ chức t_ưnhân ở các n_ước khác nhau nhằm triển khai hoạt động kinh doanh ở nhiều n_ước.
- Nguyên nhân hình thành
- Vai trò
- Các loại hình LK nhỏ

Nguyên nhân hình thành

- Là cách thức để thực hiện phân công LĐQT
- Là một đối pháp với CSBHMD ở các nước
- CMKHCHN ra đời nhiều ngành mới (CN sinh học, điện tử, người máy,...) đòi hỏi nhiều vốn, công nghệ, vượt qua khả năng của một công ty quốc gia

Vai trò của các CTQT

- Thúc đẩy nhanh quá trình nhất thể hoá nền kinh tế thế giới, thúc đẩy TMQT phát triển
- Thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung vốn, làm tiền đề cho CMKHCHN toàn cầu
- Thay đổi cơ cấu kinh tế, thể chế, chính sách(tích cực) khai thác lợi thế so sánh của các nước
- Cung cấp vốn cho các nước đang PT thông qua đầu tư
- Giảm sự khác biệt về công nghệ

Tác động tiêu cực

- Công nghệ chuyển sang các nước ĐPT thường không phải là công nghệ cao
- Hiện tượng chuyển giá trong nội bộ công ty ở các nước khác nhau nhằm trốn thuế
- Tác động đến chính trị thông qua “lobbying”

Các loại hình Liên kết nhỏ

Theo nguồn tài trợ ra vốn pháp nhân

- Công ty đa quốc gia (MNCs): được thành lập theo vốn của nhiều nước
- Công ty xuyên quốc gia (TNCs): được thành lập theo vốn của một nước

Theo ph- ơng thức hoạt động

- Tờ rớt (Trust): liên kết một số l- ợng lớn các xí nghiệp của một ngành hay những ngành g□n nhau
- Cách xây dựng:
 - thành lập các XN phụ thuộc ở bên ngoài
 - lập các chi nhánh và công ty con ở n- ớc ngoài
 - Mua cổ phần khống chế các CT n- ớc ngoài

Theo ph- ơng thức hoạt động

- Công-xoóc-xi-om (Consortium): Liên kết các xí nghiệp của những **ngành khác nhau** (NH, BH, CN, NN, GTVT, TM, ...)
- Xanh-đi-ca (Syndicat): thống nhất **tiền thống sản phẩm** của một số Trust hoặc Consortium.

Theo ph- ơng thức hoạt động

- Các-ten quốc tế (Cartel): liên minh các xí nghiệp trong đó các thành viên không bị mất quyền tự chủ trong hoạt động XNK, nh- ng phải tuân theo những điều kiện do Hiệp hội quy định.
- Các điều kiện về:
 - Phân chia thị tr- ờng tiêu thụ sản phẩm
 - hạn ngạch XNK
 - Giá tiêu thụ

3. Một số LKKTQT và tổ chức KTQT lớn

- ASEAN
- US BTA
- WTO
- EU
- APEC
- WB
- IMF